

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2020/HS-ST

Ngày: 27-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Sơn và ông Thái Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Từ Minh Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 150/2020/TLST- HS ngày 28 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2020/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh năm 1987 tại tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú: 397 Tổ X, khu phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1959; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không có.

Tiền án: Bản án số 240/2015/HSST ngày 24/7/2015 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/4/2016, chưa chấp hành phần án phí và trách nhiệm dân sự.

Nhân thân:

1/ Ngày 26/3/2004, bị Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương ra Quyết định số 542/QĐ-CT về việc đưa vào trường giáo dưỡng thời gian 24 (hai mươi bốn) tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

2/ Bản án số 63/2007/HSST ngày 21/8/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”, chấp hành xong bản án ngày 08/12/2011.

Bị bắt, tạm giam ngày 04/02/2020. Có mặt.

Bị hại: Ông Trần Lâm Nguyên A, sinh năm 1978; trú tại: Thôn Q, xã S, huyện P, tỉnh Ninh Thuận. Có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Nguyễn Thanh Y, sinh năm 1998; trú tại: Khu phố P, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2/ Ông Phùng Quốc Đ, sinh năm 1984; trú tại: Ấp S, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; trú tại: C326 NC, khu phố H, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 01/02/2020, bị cáo Trần Văn H điều khiển xe mô tô Yamaha Luvias biển số 59Y2 – 200.73 trên đoạn đường hẻm đá thuộc khu phố Đ, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến trước nhà số A135D khu phố Đ, thấy cửa cổng không khóa, không có người nên H đã lén lút đi vào và phát hiện trên bàn phía trong nhà có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7Plus màu đen và 01 laptop nhãn hiệu Dell, H đã lấy các tài sản trên và điều khiển xe rời khỏi hiện trường. Trên đường đi do phát hiện laptop mở không lên màn hình nên bị cáo đã vứt bỏ bên đường, còn điện thoại di động thì H đem đến cửa hàng điện thoại MT thuộc khu phố Đ, phường L, thành phố T do ông Nguyễn Văn T làm chủ và bán được số tiền 2.950.000đồng, bị cáo sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Sau khi sự việc được phát hiện, quá trình điều tra, ông T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7Plus màu đen đã mua của bị cáo cho cơ quan điều tra.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 13/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tài sản là 01 điện thoại di động hiệu iPhone 7Plus có giá trị 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Riêng laptop nhãn hiệu Dell do tài sản không thu hồi được và bị hại không cung cấp được các thông tin cần thiết như chủng loại, hóa đơn, chứng từ cụ thể nên Hội đồng không có cơ sở để định giá.

Tại bản Cáo trạng số 168/CT-VKS -TA ngày 28/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Trần Văn H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7Plus màu đen là tài sản của bị hại Trần Lâm Nguyên A, cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho ông An là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông A không còn yêu cầu nào khác trong vụ án.

- Đối với xe mô tô biển số 59Y2 – 200.73 thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra bị cáo khai nhận mượn của một người bạn tên Nguyễn Thanh Y. Qua làm việc, ông Y khai nhận mua xe này vào năm 2017 nhưng không làm thủ tục sang tên. Kết quả giám định thể hiện xe này có số khung, số máy đóng mới nên không thể tiến hành tra cứu dữ liệu đăng ký xe và dữ liệu vật chứng theo số máy. Qua tra cứu dữ liệu đăng ký xe máy theo biển số xe, thể hiện xe mô tô biển số 59Y2 – 200.73 do ông Phùng Quốc Đ là người đứng tên chủ sở hữu trong giấy chứng nhận đăng ký xe và ông Đ khai nhận có đứng tên xe máy biển số nêu trên nhưng đã bán xe này cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch vào năm 2012, không làm thủ tục sang tên. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc xe để có cơ sở giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn T là người đã mua điện thoại của bị cáo với giá 2.950.000 đồng nên ông T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền nêu trên. Tại phiên tòa bị cáo thống nhất bồi thường số tiền 2.950.000 đồng cho ông T nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với ông Nguyễn Văn T không biết điện thoại bị cáo bán cho mình là tài sản trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với ông T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng theo nội dung Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo trước Tòa. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người làm chứng, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 01/02/2020, tại nhà số A135D khu phố Đ, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Văn H thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là 01 điện thoại di động hiệu iPhone 7Plus; theo Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 13/02/2020 xác định tài sản trên có giá trị 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại là vi phạm pháp luật Hình sự nhưng vì lòng tham, muốn có tài sản sử dụng không phải bằng sức lao động của mình, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhiều lần bị Tòa án và Ủy ban nhân dân xử phạt về các hành vi chiếm đoạt hoặc xâm hại tài sản của người khác nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện bị cáo là người khó cải tạo, giáo dục. Vì vậy phải xét xử mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội khi chưa chấp hành xong Bản án số 240/2015/HSST ngày 24/7/2015 của Tòa án nhân dân thị xã (nay

là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương nên thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn được quy định tại điểm h, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Đối với ông Nguyễn Văn T không biết điện thoại bị cáo bán cho mình là tài sản trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với ông T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7Plus màu đen là tài sản của bị hại Trần Lâm Nguyên A, cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho ông An là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông A không còn yêu cầu nào khác trong vụ án nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với xe mô tô biển số 59Y2 – 200.73 thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra bị cáo khai nhận mượn của một người bạn tên Nguyễn Thanh Y. Xét thấy, từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa chưa đủ chứng cứ chứng minh ai là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô biển số 59Y2 – 200.73 nên cần thiết phải giao cho Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc xe để có cơ sở giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn T là người đã mua điện thoại của bị cáo với giá 2.950.000 đồng nên ông T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền nêu trên. Tại phiên tòa bị cáo thống nhất bồi thường số tiền 2.950.000 đồng cho ông T, đây là sự tự nguyện của bị cáo, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 23, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2020.

2. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An 01 xe mô tô 02 bánh (kiểu dáng Luvias), mang biển kiểm soát 59Y2 – 200.73, có số khung RLCL44S10AY012524, số máy 44S1-012532 để tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc xe và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/5/2020).

- Bị cáo Trần Văn H có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền 2.950.000đồng (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

Buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo;
- Người bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

Lê Hoàng Vương